

Chuyên đề 2

NHỮNG QUY ĐỊNH MỚI CỦA LUẬT BHXH NĂM 2024 LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Luật BHXH năm 2024 có nhiều thay đổi, bên cạnh hướng tới các mục tiêu lớn như: mở rộng đối tượng tham gia; sửa đổi căn bản các vướng mắc, bất cập từ thực tiễn triển khai thực hiện Luật BHXH năm 2014; tăng cường chế tài xử lý hành vi chậm đóng, trốn đóng BHXH,... còn đảm bảo quyền, lợi ích trong thụ hưởng chính sách BHXH để thu hút NLĐ tham gia BHXH, hướng tới mục tiêu BHXH toàn dân, bảo đảm an sinh xã hội lâu dài theo quy định của Hiến pháp và thể chế hóa các nội dung cải cách trong Nghị quyết số 28-NQ/TW.

I. Về quyền, trách nhiệm của người tham gia và thụ hưởng chính sách BHXH

Luật BHXH năm 2024 đã bổ sung các quy định để làm rõ quyền và trách nhiệm của người tham gia và người thụ hưởng chính sách BHXH (Điều 10, 11).

- Về quyền của người tham gia và thụ hưởng được quy định cụ thể như: (1) Được cơ quan BHXH định kỳ hằng tháng cung cấp thông tin về việc đóng, hưởng BHXH thông qua phương tiện điện tử; được cơ quan BHXH xác nhận thông tin về đóng, hưởng BHXH khi có yêu cầu; (2) Được hưởng BHYT trong thời gian nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng; (3) Người hưởng được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện BHXH; (4) Đối với người từ đủ 80 tuổi trở lên nếu có nhu cầu thì được cơ quan BHXH hoặc Tổ chức dịch vụ được cơ quan BHXH ủy quyền thực hiện việc chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH tại nơi cư trú trên lãnh thổ Việt Nam; (5) Người hưởng có quyền từ chối hưởng chế độ BHXH; (6) Trường hợp ủy quyền nhận lương hưu, trợ cấp BHXH và chế độ khác theo quy định của Luật này thì văn bản ủy quyền có hiệu lực tối đa là 12 tháng kể từ ngày xác lập việc ủy quyền.

- Về trách nhiệm của người tham gia và người thụ hưởng đã bổ sung như: (1) Hoàn trả tiền hưởng chế độ BHXH khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền xác định việc hưởng không đúng quy định; (2) Định kỳ hằng năm, người thụ hưởng chế độ BHXH qua tài khoản cá nhân mở tại ngân hàng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan BHXH hoặc Tổ chức dịch vụ được cơ quan BHXH ủy quyền để thực hiện việc xác minh thông tin đủ điều kiện thụ hưởng chế độ BHXH.

II. Các chế độ BHXH

1. Về chế độ ốm đau

a) Bổ sung quy định chế độ ốm đau nửa ngày để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho NLĐ (Khoản 5 Điều 45) với nội dung: *Mức hưởng trợ cấp ốm đau nửa ngày được tính bằng một nửa mức hưởng trợ cấp ốm đau một ngày. Khi tính mức hưởng trợ cấp ốm đau đối với NLĐ nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau không trọn ngày thì trường hợp nghỉ việc dưới nửa ngày được tính là nửa ngày; từ nửa ngày đến dưới một ngày được tính là một ngày.*

b) Luật hóa bổ sung quy định các trường hợp NLD nghỉ việc được hưởng chế độ ốm đau (Điểm a, c, đ Khoản 1 và Điểm b Khoản 2 Điều 42):

(i) Điều trị khi mắc bệnh mà không phải bệnh nghề nghiệp.

(ii) Điều trị khi bị tai nạn khi đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về nơi ở theo tuyến đường và thời gian hợp lý theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

(iii) Hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật.

(iv) Trường hợp sử dụng thuốc tiền chất hoặc thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất theo chỉ định của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

c) Sửa đổi quy định về chế độ ốm đau dài ngày, theo đó NLD có thể hưởng chế độ ốm đau trong một năm tối đa từ 30 đến 70 ngày tùy theo điều kiện làm việc với mức hưởng bằng 75% tiền lương làm căn cứ đóng BHXH, sau đó khi hưởng hết thời hạn hưởng mà vẫn tiếp tục điều trị thì NLD nghỉ việc do mắc bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành được hưởng tiếp chế độ ốm đau với mức hưởng thấp hơn như sau:

+ Bằng 65% tiền lương làm căn cứ đóng BHXH nếu đã đóng BHXH bắt buộc từ đủ 30 năm trở lên.

+ Bằng 55% tiền lương làm căn cứ đóng BHXH nếu đã đóng BHXH bắt buộc từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm.

+ Bằng 50% tiền lương làm căn cứ đóng BHXH nếu đã đóng BHXH bắt buộc dưới 15 năm.

d) NLD được quỹ BHXH đóng BHYT trong thời gian nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng.

2. Về chế độ thai sản

2.1. Chế độ thai sản đối với BHXH bắt buộc

a) Bổ sung quy định *trường hợp lao động nữ mang thai hoặc lao động nữ mang thai hộ có đủ điều kiện về thời gian đóng để hưởng chế độ thai sản khi sinh con; nếu trong trường hợp thai từ đủ 22 tuần tuổi trở lên mà bị sảy thai, phá thai, thai chết trong tử cung, thai chết trong khi chuyển dạ thì lao động nữ và người chồng được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản như trường hợp lao động nữ sinh con.*

Theo đó, đối với lao động nữ mang thai hoặc lao động nữ mang thai hộ mà thai từ đủ 22 tuần tuổi bị chết, sẽ có 02 trường hợp xảy ra:

(1) Đối với trường hợp đủ điều kiện thời gian đóng như đối với trường hợp sinh con thì được hưởng chế độ như trường hợp thai sản sinh con.

(2) Đối với trường hợp chưa đủ điều kiện về thời gian đóng thì được nghỉ 50 ngày *nếu thai từ 22 tuần tuổi trở lên* (quy định này đã mở rộng hơn so với Luật hiện hành là “50 ngày nếu thai từ 25 tuần tuổi trở lên”).

b) Bổ sung quy định điều kiện hưởng chế độ thai sản đối với lao động nữ sinh con, mà trước khi sinh con phải nghỉ việc để điều trị vô sinh. Theo đó, lao động nữ chỉ cần đóng BHXH bắt buộc từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 24 tháng liền kề trước khi sinh con.

c) Quy định trường hợp lao động nữ mang thai từ đủ 22 tuần tuổi trở lên đủ điều kiện quy định mà bị sảy thai, phá thai, thai chết trong tử cung, thai chết trong khi chuyển dạ thì lao động nữ và người chồng được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản như trường hợp lao động nữ sinh con.

d) Sửa đổi quy định thời gian hưởng chế độ thai sản đối với trường hợp sau khi sinh con chết.

đ) Bổ sung quy định về thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản đối với lao động nam có vợ sinh con như sau:

- Trường hợp sinh ba trở lên phải phẫu thuật thì được nghỉ thêm 03 ngày làm việc cho mỗi con tính từ con thứ ba trở đi.

- Ngày bắt đầu nghỉ việc hưởng chế độ thai sản phải trong khoảng thời gian 60 ngày kể từ ngày vợ sinh con; trường hợp NLD nghỉ nhiều lần thì ngày bắt đầu nghỉ việc của lần cuối cùng phải trong khoảng thời gian 60 ngày đầu kể từ ngày vợ sinh con và tổng thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản không quá thời gian quy định.

e) Sửa đổi quy định về thời gian hưởng chế độ thai sản được tính là thời gian đóng BHXH như sau:

Đối với trường hợp lao động nữ sinh con, NLD nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi, lao động nữ mang thai hộ khi sinh con, lao động nữ nhờ mang thai hộ thì thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản được tính là thời gian đóng BHXH bắt buộc, NLD và người sử dụng lao động không phải đóng BHXH.

Đối với các trường hợp khác mà có thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì thời gian này được tính là thời gian đóng BHXH bắt buộc, NLD và người sử dụng lao động không phải đóng BHXH.

g) Luật hóa quy định đối với lao động nữ mang thai hộ và lao động nữ nhờ mang thai hộ

h) Trợ cấp một lần khi sinh con, nhận con khi nhờ mang thai hộ hoặc nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi

- Luật hóa quy định: *“Lao động nữ sinh con nhưng không đủ điều kiện quy định mà người chồng có đủ điều kiện quy định thì người chồng được trợ cấp một lần”.*

- Bổ sung quy định *“Trường hợp người mang thai hộ, người mẹ nhờ mang thai hộ và người chồng của người mẹ nhờ mang thai hộ không tham gia BHXH bắt buộc hoặc không đủ điều kiện thì người chồng của người mang thai hộ đã đóng BHXH bắt buộc từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng tính đến thời điểm người mang thai hộ sinh con được trợ cấp một lần”.*

- Sửa đổi quy định về mức trợ cấp thai sản một lần cho mỗi con bằng 02 lần mức tham chiếu tại tháng lao động nữ sinh con, nhận con do nhờ mang thai hộ, nhận nuôi con nuôi.

k) NLD được quỹ BHXH đóng BHYT trong thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng.

2.2. Bổ sung chế độ thai sản vào chính sách BHXH tự nguyện

Nghị quyết số 28-NQ/TW có nội dung: BHXH tự nguyện với các chế độ hưu trí, tử tuất hiện nay, từng bước mở rộng sang các chế độ khác. Khảo sát, tổng kết thi hành Luật BHXH năm 2014 cho thấy, có nhiều nguyên nhân dẫn đến số người tham gia BHXH tự nguyện còn thấp trong đó có nguyên nhân do chế độ được hưởng còn thiếu hấp dẫn vì NLD chưa được hưởng các chế độ ngắn hạn. Trong khi thực tế thời gian qua, Nhà nước đã có chính sách hỗ trợ cho phụ nữ là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn khi sinh con đúng chính sách dân số.

Do đó, Luật BHXH năm 2024 quy định NLD tham gia BHXH tự nguyện (bao gồm cả lao động nữ và lao động nam) khi sinh con hoặc có vợ sinh con nếu đáp ứng đủ điều kiện (đóng BHXH từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con) thì được hưởng trợ cấp bằng 02 triệu đồng cho mỗi con được sinh ra và mỗi thai từ 22 tuần tuổi trở lên chết trong tử cung, thai chết trong khi chuyển dạ.

Kinh phí thực hiện trợ cấp này do Ngân sách nhà nước bảo đảm và Chính phủ quyết định điều chỉnh mức trợ cấp thai sản phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng của NSNN từng thời kỳ.

Lao động nữ là người dân tộc thiểu số hoặc lao động nữ là người dân tộc Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo khi sinh con ngoài trợ cấp thai sản (nêu trên) còn được hưởng chính sách hỗ trợ khác theo quy định của Chính phủ.

3. Đối với chế độ hưu trí

3.1. Quy định giảm điều kiện về số năm đóng BHXH tối thiểu để được hưởng lương hưu hằng tháng từ 20 năm xuống 15 năm. Gia tăng cơ hội được hưởng lương hưu của người tham gia BHXH thông qua việc quy định giảm điều kiện về số năm đóng BHXH tối thiểu để được hưởng lương hưu hằng tháng từ 20 năm xuống 15 (Điều 64, Điều 98).

Nghị quyết số 28-NQ/TW đã đặt ra nhiệm vụ cải cách với nội dung: “Sửa đổi điều kiện hưởng chế độ hưu trí theo hướng giảm dần số năm đóng BHXH tối thiểu để được hưởng chế độ hưu trí từ 20 năm xuống 15 năm, hướng tới còn 10 năm với mức hưởng được tính toán phù hợp nhằm tạo điều kiện cho NLD cao tuổi, có số năm tham gia BHXH thấp được tiếp cận và thụ hưởng quyền lợi BHXH”.

Qua khảo sát thực tiễn, một trong những nguyên nhân được chỉ ra đối với việc nhiều người hưởng BHXH một lần là do số năm tích lũy để được hưởng lương hưu (20 năm) quá dài, làm giảm động lực tham gia, gấn bó lâu dài chờ đủ

điều kiện hưởng lương hưu của NLD.

Luật BHXH năm 2024 quy định thống nhất với Bộ luật Lao động năm 2019 về tuổi nghỉ hưu, điều kiện về tuổi hưởng lương hưu. Quy định NLD khi đủ tuổi nghỉ hưu mà có thời gian đóng BHXH từ đủ 15 năm trở lên được hưởng lương hưu hằng tháng. Quy định này nhằm tạo cơ hội cho những người tham gia muộn hoặc tham gia không liên tục có cơ hội tích lũy đủ 15 năm đóng (thay vì 20 năm như quy định hiện hành) để hưởng lương hưu hằng tháng và được bảo đảm BHYT. Đồng thời, quy định này cũng góp phần giảm số người hưởng BHXH một lần do đủ điều kiện hưởng lương hưu. *Quy định về số năm đóng tối thiểu này không áp dụng với người hưởng lương hưu khi suy giảm khả năng lao động.*

Luật BHXH năm 2024 cũng quy định tỷ lệ hưởng lương hưu đối với lao động nam và lao động nữ có 15 năm đóng BHXH, quy định mức tối đa giữ nguyên là 75%. Cụ thể:

+ Lao động nam đóng BHXH từ 15 năm đến dưới 20 năm: 15 năm đóng tương ứng 40%, mỗi năm đóng thêm tăng 1%, 20 năm đóng tương ứng 45%;

Lao động nam đóng BHXH 20 năm, tương ứng tỷ lệ hưởng 45%, sau đó, cứ mỗi năm đóng thêm được cộng 2%.

+ Lao động nữ đóng BHXH 15 năm tương ứng 45%. Sau đó, cứ mỗi năm đóng thêm được cộng 2%.

Đồng thời quy định việc tính mức lương hưu hằng tháng của NLD đủ điều kiện hưởng lương hưu mà có thời gian đóng BHXH theo quy định của Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên nhưng có thời gian đóng BHXH ở Việt Nam dưới 15 năm thì mỗi năm đóng trong thời gian này được tính bằng 2,25%.

Với mức lương hưu hằng tháng ổn định, định kỳ được Nhà nước điều chỉnh mức hưởng và trong thời gian hưởng lương hưu được quỹ BHXH mua thẻ BHYT, chắc chắn sẽ góp phần đảm bảo tốt hơn cuộc sống của NLD. Tin tưởng rằng, sẽ ngày càng có thêm nhiều người được đảm bảo lương hưu để ổn định cuộc sống và được hưởng chính sách BHYT để chăm sóc sức khỏe khi về già.

3.2. Về trợ cấp một lần khi nghỉ hưu

Sửa đổi, bổ sung quy định về trợ cấp một lần khi nghỉ hưu để khuyến khích NLD tiếp tục làm việc, đóng BHXH sau tuổi nghỉ hưu (Điều 68, Điều 100).

So với quy định hiện hành chỉ có một mức tính hưởng trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, đối với lao động có thời gian đóng BHXH cao hơn mức tối đa 75% (lao động nam có thời gian đóng BHXH cao hơn 35 năm; lao động nữ có thời gian đóng BHXH cao hơn 30 năm) thì tại Luật BHXH năm 2024 đã quy định 02 mức như sau:

(1) Bằng 0,5 lần của mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng BHXH cho mỗi năm đóng cao hơn đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật.

(2) Trường hợp NLD đã đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định mà tiếp tục đóng BHXH thì mức trợ cấp bằng 2 lần của mức bình quân tiền lương

làm căn cứ đóng BHXH cho mỗi năm đóng cao hơn số năm kể từ sau thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật đến thời điểm nghỉ hưu.

3.3. Bổ sung quy định nhằm gia tăng quyền lợi, tăng tính hấp dẫn, khuyến khích NLĐ bảo lưu thời gian đóng để hưởng lương hưu thay vì nhận BHXH một lần

Nghị quyết số 28-NQ/TW đề ra định hướng: “*Có quy định phù hợp để giảm tình trạng hưởng BHXH một lần theo hướng tăng quyền lợi nếu bảo lưu thời gian tham gia BHXH để hưởng chế độ hưu trí, giảm quyền lợi nếu hưởng BHXH một lần*”

- Luật BHXH năm 2024 đã có nhiều sửa đổi, bổ sung theo hướng gia tăng quyền lợi, tăng tính hấp dẫn, khuyến khích NLĐ bảo lưu thời gian đóng để hưởng lương hưu thay vì nhận BHXH một lần. NLĐ đã chấm dứt tham gia BHXH mà có đề nghị thì được hưởng BHXH một lần (Điều 70, Điều 102) nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- (i) Đủ tuổi hưởng lương hưu mà chưa đủ 15 năm đóng BHXH.
- (ii) Ra nước ngoài để định cư.
- (iii) Người đang mắc một trong những bệnh: ung thư, bại liệt, xơ gan mất bù, lao nặng, AIDS.
- (iv) Người có mức suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; người khuyết tật đặc biệt nặng.
- (v) NLĐ có thời gian đóng BHXH trước ngày 01/7/2025, sau 12 tháng không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc mà cũng không tham gia BHXH tự nguyện và có thời gian đóng BHXH chưa đủ 20 năm.
- (vi) Đối tượng thuộc lực lượng vũ trang khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc mà cũng không tham gia BHXH tự nguyện và không đủ điều kiện để hưởng lương hưu.

- NLĐ không hưởng BHXH một lần mà bảo lưu thời gian đóng để tiếp tục tham gia thì có cơ hội được thụ hưởng các quyền lợi cao hơn như:

- (i) Khi tiếp tục tham gia được hưởng các chế độ với mức hưởng cao hơn do các chế độ đều tính theo thời gian đóng (ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp,...).
- (ii) Được hưởng lương hưu với điều kiện dễ dàng hơn.
- (iii) Trong thời gian hưởng lương hưu được quỹ BHXH đóng BHYT.
- (iv) Được hưởng trợ cấp hàng tháng khi không đủ điều kiện hưởng lương hưu và chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.
- (v) Trong thời gian hưởng trợ cấp hàng tháng được NSNN đóng BHYT. Ngoài ra, NLĐ còn có cơ hội được hưởng chính sách hỗ trợ về tín dụng cho NLĐ có thời gian đóng BHXH mà bị mất việc làm.

3.4. Quy định cụ thể các trường hợp tạm dừng, chấm dứt hưởng lương

hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng

Luật BHXH năm 2024 đã phân định rõ các trường hợp tạm dừng và chấm dứt hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng (Điều 75). Theo đó:

a) Tạm dừng việc hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng đối với người đang hưởng khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

(i) Xuất cảnh trái phép.

(ii) Bị Tòa án tuyên bố mất tích.

(iii) Khi không xác minh được thông tin người thụ hưởng theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 11 của Luật BHXH năm 2024.

b) Chấm dứt việc hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng đối với người đang hưởng khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

(i) Chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết.

(ii) Từ chối hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng bằng văn bản.

(iii) Kết luận của cơ quan có thẩm quyền về hưởng BHXH không đúng quy định của pháp luật.

Đồng thời quy định rõ việc tiếp tục được chi trả khi người hưởng đảm bảo đủ điều kiện. Đặc biệt, đối với người đã từ chối hưởng chế độ sẽ được tiếp tục chi trả kể từ thời điểm cơ quan BHXH nhận văn bản đề nghị được hưởng lại lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng và không bao gồm tiền lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng của thời gian chưa nhận do đã từ chối nhận.

3.5. Một số lưu ý (quy định chuyển tiếp)

Đối với BHXH bắt buộc: Đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ, g và i khoản 1 Điều 2 của Luật BHXH năm 2024 đã tham gia BHXH trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà có thời gian đóng BHXH bắt buộc từ đủ 20 năm trở lên thì mức lương hưu hằng tháng thấp nhất bằng mức tham chiếu.

Đối với BHXH tự nguyện: Người tham gia BHXH tự nguyện trước ngày 01/01/2021 và đủ 20 năm đóng BHXH tự nguyện trở lên thì được hưởng lương hưu khi đủ 60 tuổi đối với nam, đủ 55 tuổi đối với nữ, trừ trường hợp NLD có nguyện vọng hưởng lương hưu theo quy định tại Điều 98 của Luật này.

4. Về chế độ tử tuất

- Sửa đổi quy định về điều kiện về tuổi của thân nhân hưởng trợ cấp tuất hằng tháng thống nhất, phù hợp với tuổi nghỉ hưu của Bộ luật Lao động năm 2019 (Khoản 2 Điều 86).

- Sửa đổi quy định về quyền lựa chọn hưởng trợ cấp tuất hằng tháng hoặc một lần theo hướng tôn trọng quyền lựa chọn của mọi thân nhân của NLD khi đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất hằng tháng. Cụ thể, khi thân nhân đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất hằng tháng nhưng có nguyện vọng hưởng trợ cấp tuất một lần thì họ có quyền lựa chọn hưởng trợ cấp tuất một lần (Điểm c Khoản 2 Điều 88).

5. Bổ sung quy định trợ cấp hưu trí xã hội để hình thành hệ thống

BHXX đa tầng

Một trong những nội dung cải cách trong Nghị quyết số 28-NQ/TW đã xác định xây dựng hệ thống BHXX đa tầng, bao gồm: (i) Trợ cấp hưu trí xã hội; (ii) BHXX cơ bản, bao gồm BHXX bắt buộc và BHXX tự nguyện; (iii) Bảo hiểm hưu trí bổ sung; đồng thời đề ra mục tiêu cụ thể đến năm 2030 có khoảng 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXX hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội.

Luật BHXX năm 2024 đã bổ sung chương III về trợ cấp hưu trí xã hội. Theo đó quy định trợ cấp hưu trí xã hội là loại hình BHXX do NSNN bảo đảm, được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển một phần từ quy định về trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người cao tuổi (Điều 21, 22).

6. Bổ sung chế độ đối với NLD không đủ điều kiện hưởng lương hưu và chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội để hình thành chế độ liên kết tầng (Điều 23, 24)

(i) Công dân Việt Nam đủ tuổi nghỉ hưu nhưng không đủ thời gian đóng để hưởng lương hưu và chưa đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội nếu không hưởng BHXX một lần và không bảo lưu mà có yêu cầu thì được hưởng trợ cấp hằng tháng từ chính khoản đóng của mình. Thời gian hưởng, mức hưởng trợ cấp hằng tháng được xác định căn cứ vào thời gian đóng, căn cứ đóng BHXX của NLD. Mức trợ cấp hằng tháng thấp nhất bằng mức trợ cấp hưu trí xã hội.

Trường hợp tổng số tiền tính theo thời gian đóng, căn cứ đóng BHXX của NLD cao hơn số tiền tính mức trợ cấp hằng tháng bằng mức trợ cấp hưu trí xã hội tại thời điểm giải quyết hưởng cho khoảng thời gian từ khi đủ tuổi nghỉ hưu đến khi đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội thì NLD được tính để hưởng trợ cấp hằng tháng với mức cao hơn.

Trường hợp tổng số tiền tính theo thời gian đóng, căn cứ đóng BHXX không đủ để NLD hưởng trợ cấp hằng tháng cho đến khi đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, nếu NLD có nguyện vọng thì được đóng một lần cho phần còn thiếu để hưởng cho đến khi đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

(ii) Mức trợ cấp hằng tháng được điều chỉnh khi Chính phủ thực hiện điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXX hằng tháng.

(iii) Trong thời gian hưởng trợ cấp hằng tháng thì được NSNN đóng BHYT; khi chết thì thân nhân được hưởng trợ cấp một lần cho những tháng chưa nhận và được hưởng trợ cấp mai táng nếu đủ điều kiện theo quy định.

III. Về xác định đối tượng tham gia, căn cứ đóng BHXX, xử lý chậm đóng, trốn đóng

1. Về đối tượng tham gia (Điều 2)

Mở rộng đối tượng tham gia BHXX bắt buộc

Một trong những yêu cầu cải cách đã xác định trong Nghị quyết số 28-NQ/TW là: “*Mở rộng đối tượng BHXX bắt buộc sang các nhóm đối tượng khác*”; “*Rà soát, mở rộng đối tượng tham gia BHXX bắt buộc đối với các nhóm chủ hộ*

kinh doanh, người quản lý doanh nghiệp, người quản lý, điều hành hợp tác xã không hưởng tiền lương, NLD làm việc theo chế độ linh hoạt”.

Luật BHXH năm 2024 đã thể chế cơ bản Nghị quyết số 28/NQ-TW, quy định mở rộng đối tượng tham gia BHXH bắt buộc đối với:

(1) Chủ hộ kinh doanh của hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh tham gia theo quy định của Chính phủ.

(2) Người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp; thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát hoặc kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác được bầu của Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã ***không hưởng tiền lương***.

(3) ***NLD làm việc không trọn thời gian***, có tiền lương trong tháng bằng hoặc cao hơn tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc thấp nhất.

(4) Trường hợp NLD và người sử dụng lao động thỏa thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên,...

(5) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

(6) Dân quân thường trực.

(7) Mở rộng quyền lợi đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được tham gia và thụ hưởng đầy đủ các chế độ BHXH bắt buộc thay vì chỉ đóng và hưởng hai chế độ là hưu trí và tử tuất như Luật hiện hành.

Bên cạnh đó, nhằm từng bước hướng tới chính sách BHXH bắt buộc đối với toàn bộ NLD có việc làm, có thu nhập và tiền lương khi đáp ứng đủ điều kiện cần thiết theo tinh thần Nghị quyết số 28-NQ/TW, Luật BHXH năm 2024 *giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định việc tham gia BHXH bắt buộc đối với đối tượng khác mà có việc làm, thu nhập ổn định, thường xuyên trên cơ sở đề xuất của Chính phủ* phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ. Quy định này tạo điều kiện cho việc mở rộng đối tượng tham gia BHXH bắt buộc đối với các nhóm đối tượng khác phù hợp với sự thay đổi của quan hệ lao động, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của NLD trong tương lai.

Việc bổ sung quy định trên phù hợp với những quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, góp phần tạo điều kiện cho nhiều NLD được bảo đảm quyền được tham gia BHXH bắt buộc và thụ hưởng đầy đủ chính sách BHXH.

Mở rộng đối tượng tham gia BHXH: Bổ sung đối tượng đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận về việc đóng BHXH bắt buộc trong thời gian này.

2. Về căn cứ đóng BHXH (Điều 31)

2.1. Tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc

Thấp nhất bằng mức tham chiếu và cao nhất bằng 20 lần mức tham

chiều tại thời điểm đóng.

Về tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc khu vực nhà nước: Cơ bản giữ như hiện hành.

Về tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc đối với khu vực ***ngoài nhà nước (do người sử dụng lao động quyết định)*** là tiền lương tháng, bao gồm mức lương, phụ cấp lương, ***các khoản bổ sung khác, được trả thường xuyên và ổn định trong mỗi kỳ trả lương.***

Một số đối tượng mới bổ sung có tiền lương và không có tiền lương (chủ hộ kinh doanh, người quản lý điều hành không hưởng lương, lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, phu nhân, phu quân) ***được lựa chọn tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc*** trong khoảng từ mức thấp nhất đến mức cao nhất ***(sau ít nhất 12 tháng thực hiện đóng theo căn cứ đã lựa chọn thì NLĐ được lựa chọn lại).***

2.2. Thu nhập làm căn cứ đóng BHXH tự nguyện

Mức thu nhập làm căn cứ đóng BHXH tự nguyện giữ như quy định hiện hành (chỉ thay mức lương cơ sở bằng mức tham chiếu), thấp nhất bằng mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn và cao nhất bằng 20 lần mức tham chiếu tại thời điểm đóng.

3. Bổ sung quy định xử lý tình trạng chậm đóng, trốn đóng BHXH

Điều 35. Đơn đốc thực hiện trách nhiệm đóng BHXH bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN).

Điều 38, 39: Chậm đóng, trốn đóng.

Điều 40, 41: Biện pháp xử lý.

Vấn đề chậm đóng, trốn đóng BHXH ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của NLĐ, do vậy Luật BHXH năm 2024 đã bổ sung quy định trách nhiệm của các cơ quan trong xác định và quản lý đối tượng tham gia BHXH; quy định cụ thể hành vi chậm đóng, hành vi trốn đóng; đồng thời, đã sửa đổi, bổ sung nhiều biện pháp xử lý, chế tài xử lý tình trạng chậm đóng, trốn đóng BHXH như:

3.1. (Điều 38) Chậm đóng BHXH bắt buộc, BHTN là hành vi của người sử dụng lao động

(i) Chưa đóng hoặc đóng chưa đầy đủ số tiền phải đóng theo hồ sơ tham gia BHXH bắt buộc, BHTN đã đăng ký kể từ sau ngày đóng BHXH, BHTN chậm nhất, trừ trường hợp quy định tại Điểm đ và Điểm e Khoản 1 Điều 39 của Luật này.

(ii) Không đăng ký hoặc đăng ký không đầy đủ số người phải tham gia BHXH bắt buộc, BHTN trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định.

(iii) Thuộc trường hợp không bị coi là trốn đóng BHXH bắt buộc, BHTN theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 của Luật này (có lý do chính đáng).

3.2. (Điều 39) Trốn đóng BHXH bắt buộc, BHTN là hành vi của người sử dụng lao động thuộc một trong các trường hợp sau đây để không đóng hoặc

đóng không đầy đủ BHXH, BHTN cho NLĐ

(i) Sau 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định mà người sử dụng lao động không đăng ký hoặc đăng ký không đầy đủ số người phải tham gia BHXH bắt buộc, BHTN.

(ii) Đăng ký tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc, BHTN thấp hơn quy định.

(iii) Không đóng hoặc đóng không đầy đủ số tiền đã đăng ký BHXH bắt buộc sau 60 ngày kể từ ngày đóng BHXH bắt buộc chậm nhất, BHTN chậm nhất và đã được cơ quan có thẩm quyền đơn đốc theo quy định tại Điều 35 của Luật này.

(iv) Các trường hợp khác bị coi là trốn đóng BHXH bắt buộc, BHTN theo quy định của Chính phủ.

Tại Luật BHXH năm 2024 đã giao Chính phủ quy định chi tiết Điều 39 về trốn đóng BHXH bắt buộc, BHTN và quy định các trường hợp thuộc trốn đóng nhưng có lý do chính đáng thì không bị coi là trốn đóng BHXH bắt buộc, BHTN.

3.3. (Điều 40, 41) Quy định cụ thể biện pháp xử lý đối với hành vi chậm đóng BHXH và trốn đóng BHXH

Bắt buộc đóng đủ số tiền BHXH chậm đóng, trốn đóng; nộp số tiền bằng ***0,03%/ngày tính trên số tiền BHXH, BHTN chậm đóng, trốn đóng và số ngày chậm đóng, trốn đóng***; xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; không xem xét trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng. Riêng đối với hành vi trốn đóng còn có biện pháp mạnh là ***truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật***.

Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi của NLĐ, Luật đã bổ sung trách nhiệm của người sử dụng lao động phải bồi thường cho NLĐ theo quy định của pháp luật nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm đóng BHXH bắt buộc mà gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của NLĐ (Khoản 8 Điều 13).

Các quy định này nhằm bảo đảm hơn nữa quyền lợi chính đáng, hợp pháp của NLĐ, góp phần giảm tình trạng chậm đóng, trốn đóng BHXH.

Chuyên đề 3

NHỮNG QUY ĐỊNH MỚI CỦA LUẬT BHXH NĂM 2024 LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

So với Luật BHXH năm 2014, Luật BHXH năm 2024 có một số thay đổi liên quan đến quyền, trách nhiệm của người sử dụng lao động, như:

- Bổ sung một số quyền của người sử dụng lao động trên cơ sở Luật hóa những nội dung đang thực hiện tại các văn bản dưới luật, như: 1) *Được tạm dừng đóng BHXH bắt buộc theo quy định*; 2) *Được cơ quan BHXH hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện BHXH*; 3) *Được tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH*.

- Bổ sung một số trách nhiệm của người sử dụng lao động: 1) *Bồi thường cho NLĐ theo quy định của pháp luật nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm đóng BHXH bắt buộc theo quy định của Luật này mà gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của NLĐ; 2) Phối hợp, tạo điều kiện để cơ quan BHXH thực hiện thu hồi số tiền BHXH hưởng không đúng quy định của NLĐ khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền./.*